TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-PT
Ngày 18 - 11 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Bà Châu Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2022/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc " ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 163/2022/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982, (có mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hoàng Ái L, sinh năm 1986, (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 5, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người kháng cáo: Bị đơn chị Nguyễn Thị Hoàng Ái L, sinh năm 1986.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T và bị đơn chị Nguyễn Thị Hoàng Ái L thống nhất trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị L thống nhất xác định, anh chị xây dựng hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào ngày 26/01/2019 theo phong tục tập quán, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, anh chị bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung trong cuộc sống, thấu hiểu và chia sẻ được cho nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hành phúc, do công việc nên mỗi người ở một nơi, vài tuần anh T mới về chung sống với chị được vài ngày, nên tình cảm vợ chồng cũng vơi dần đi và mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống ngày càng nhiều lên, nên khoảng cách vợ

chồng ngày càng xa dần, từ ngày 16/5/2022 đến nay anh chị không còn sống chung với nhau nữa, mỗi người sống một nơi, không còn khả năng chung sống với nhau được nữa, nên anh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn và chị L cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T.

Về con chung: Anh T và chị L thống nhất xác định, anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Anh T và chị L thống nhất xác định, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung:

- Anh T xác định trong ngày cưới, gia đình anh cho chung vợ chồng số nữ trang dây chuyền, nhẫn… trọng lượng 09 chỉ vàng 24k và đôi bông tai trọng lượng 01 chỉ vàng 24k, trong thời gian chung sống, anh có gửi cho chị L giữ số tiền 40.000.000đ để khi sinh con thì dùng. Khi ly hôn anh yêu cầu chia đôi 09 chỉ vàng 24k và số tiền 40.000.000đ, đối với đôi bông tai trọng lượng 01 chỉ vàng 24k anh không yêu cầu chia, đồng ý để cho chị L sở hữu. Trong quá trình tố tụng, anh rút yêu cầu chia đôi số tiền 40.000.000 đồng.

- Chị L xác định, trong ngày cưới, gia đình anh T có trình trước hai họ cho con dâu số nữ trang trọng lượng 10 chỉ vàng 24k và đại diện gia đình anh T đeo cho chị, nên chị xác định 10 chỉ vàng 24k là gia đình bên anh T cho riêng chị, nên số vàng này không phải là tài sản chung vợ chồng, trong thời gian chung sống, chị đã bán hết để trang trải cuộc sống như khám điều trị bệnh cho anh T, chi phí ăn uống những khi anh T về nhà sống với chị, nay chị xác định không còn, nên không đồng ý chia. Đối với số tiền 40.000.000đ, chị xác định trong thời gian chung sống từ năm 2019 anh T có gửi về cho chị nhưng số tiền này chị cũng đã chi tiêu cho cuộc sống chung hết, nay anh T rút yêu cầu đối với số tiền này chị không có ý kiến.

Từ nội dung trên, tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 163/2022/HNGĐ-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Hoàng Ái L.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Hoàng Ái L không có con chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về sở hữu chung: Chia cho anh Nguyễn Văn T 4,5 chỉ vàng 24k, chia cho chị Nguyễn Thị Hoàng Ái L 4,5 chỉ vàng 24k. Buộc chị Nguyễn Thị Hoàng Ái L giao lại cho anh Nguyễn Văn T 4,5 chỉ vàng 24k.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của anh Nguyễn Văn T chia trong số tiền 40.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/9/2022, chị Nguyễn Thị Hoàng Ái L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, chị L không đồng ý chia cho anh Nguyễn Văn T 4,5 chỉ vàng 24k, vì đây là tài sản riêng của chị.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị L cung cấp giấy xác định anh T và chị có đến Bệnh viện Từ Dủ để thăm khám, điều trị bệnh hiếm muộn cho anh T, số tiền chi phí đi khám điều trị bệnh cho anh T chị lấy từ việc bán số vàng được gia đình anh T cho trong ngày cưới, khi bán vàng chị có báo cho anh T và anh T cũng đồng ý, đồng thời chị xác định ngày 16/5/2022 anh T đã viết giấy thỏa thuận ly hôn với chị xác định tài sản chung vợ chồng không có, nên chị không đồng ý chia tài sản chung theo yêu cầu của anh T.

Anh T xác định, trong thời gian chung sống chị L bán vàng là tài sản chung vợ chồng nhưng không báo cho anh biết, trong năm 2020 anh và chị L có đến Bệnh viện Từ Dủ, Thành phố Hồ Chí Minh để thăm khám điều trị hiếm muộn, chi phí đi lại và chi phí thăm khám bệnh do chị L bỏ tiền ra, anh xác định vợ chồng phải cùng có trách nhiệm với nhau, nên chị L ra các khoản chi phí điều trị bệnh, nên anh không đồng ý việc chị L bán vàng là tài sản chung để điều trị bệnh cho anh và chị L. Đối với giấy thỏa thuận lập ngày 16/5/2022 anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, còn số vàng được gia đình anh cho trong ngày cưới là sở hữu chung của vợ chồng, không phải là tài sản chung vợ chồng và khi anh ký giấy thỏa thuận tinh thần anh không được tỉnh táo, do chị L đã viết sẵn đưa anh viết lại và ký tên. Nên anh xác định 09 chỉ vàng 24k là sở hữu chung vợ chồng, yêu cầu được chia khi ly hôn.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có căn cứ xác định tại sản chung của anh T, chị L là 10 chỉ vàng 24k, trong quá trình tố tụng anh T chỉ yêu cầu chia 09 chỉ vàng 24k, đồng ý để 01 chỉ vàng 24k là đôi bông tai cho chị L là sự tự nguyện của anh T. Tại phiên tòa anh T cũng thừa nhận trong năm 2020 anh và chị L có đến Bệnh viện Từ Dủ đề khám, điều trị bệnh cho anh và chị L, các khoản chi phí cho việc đi lại và khám bệnh do chị L chi trả, hơn nữa theo giấy thỏa thuận lập ngày 16/5/2022 anh xác định tài sản chung vợ chồng không có, nên chị L xác định trong thời gian sống chung chị đã bán hết 09 chỉ vàng 24k để phục vụ cho những nhu cầu thiết yếu của gia đình là có căn cứ. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị L. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ, theo hướng không chấp nhận yêu cầu chia 09 chỉ vàng 24k của anh T.

Án phí chia tài sản các đương sự không phải chịu, anh phí dân sự phúc thẩm chị L không phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến đề xuất của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Hoàng Ái L nộp trong thời hạn luật định, nội dung và hình thức đơn kháng cáo được làm đúng quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Các đương sự có mặt tại phiên tòa theo quy định tại Điều 294 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Các phần quyết định của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 163/2022/HNGĐ-ST ngày 14/9/2022 cuả Tòa án nhân dân huyện Đ về quan hệ hôn nhân, án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật nên không đặt ra xem xét.

[2] Về nội dung: Anh T và chị L thống nhất xác định ngày cưới gia đình anh trình trước hai họ 10 chỉ vàng 24k, nên đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh, theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, anh T xác định số vàng được trình và công bố trước hai họ là cho chung anh chị, còn chị L xác định số vàng nêu trên là cho riêng chị và trong thời gian chung sống chị đã bán để chi xài chung cho việc thăm, khám điều trị bệnh hiếm muộn cho anh T và các khoản chi phí ăn uống sinh hoạt của chị và anh T đã hết, đồng thời anh T đã ký giấy thỏa thuận ly hôn ngày 16/5/2022 xác định tài sản chung vợ chồng không có, hiện nay chị không còn giữ, nên không đồng ý chia theo yêu cầu của anh T.

[3] Xét kháng cáo của chị L không đồng ý chia cho anh T 4,5 chỉ vàng 24k. Hội đồng xét xử xét thấy, anh T và chị L cùng thống nhất xác định trong ngày cưới gia đình anh T trình và công bố trước hai họ cho dâu 10 chỉ vàng 24k. Tuy nhiên, không có căn cứ chứng minh cho riêng, mà việc trình và công bố trước hai họ là cho chung anh chị. Sau khi kết hôn, anh chị không đăng ký kết hôn, nên không xác định 10 chỉ vàng 24k là tài sản chung vợ chồng theo quy định tại Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, mà cần xác định 10 chỉ vàng 24k là tài sản chung theo quy định tại Điều 210 Bộ luật Dân sự. Do đó, anh T và chị L có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với tài sản thuộc sở hữu chung.

[3.1] Xét quá trình sử dụng tài sản chung: Anh T và chị L xác định trong thời gian sống chung, anh chị có đến Bệnh viện Từ Dủ, Thành phố Hồ Chí Minh để thăm khám, điều trị bệnh hiếm muộn cho anh chị nhiều lần, anh T cũng xác định mọi chi phí đi lại và thăm khám, điều trị đều do chị L chi trả, trong khi thời điểm năm 2020 dịch bệnh chị L không thu nhập ổn định, nên việc chị bán vàng

để chăm lo sức khỏe cho anh T và chị là có căn cứ chấp nhận. Mặc dù, không có căn cứ xác định việc thăm khám, điều trị bệnh số tiền cụ thể bao nhiêu, vì cả anh chị đều không còn lưu giữ các hóa đơn viện phí, chi phí, nhưng anh chị xác định việc thăm khám, điều trị phải đi nhiều lần. Do đó, có căn cứ để xác định chị L bán vàng để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của anh chị trong thời gian anh chị sống chung.

[3.2] Xét tờ thỏa thuận ly hôn do anh T viết và ký ngày 16/5/2022, được lập trước ngày anh T nộp đơn khởi kiện anh T xác định tài sản chung vợ chồng không có, nên có cơ sở xác định trước khi nộp đơn khởi kiện anh T và chị L đã thỏa thuận xác định tài sản chung không có. Mặc dù anh T xác định, khi anh viết và ký giấy thỏa thuận tinh thần anh không được minh mẫn, nhưng anh không đưa ra được chứng cứ chứng minh anh ký giấy thỏa thuận có sự ép buộc hay có sự đe dọa từ chị L. Do đó, có căn cứ xác định anh T đã thừa nhận tài sản chung không còn trước khi anh nộp đơn khởi kiện.

[3.3] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị L, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh T là chưa xem xét, đánh giá toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ và quá trình sử dụng tài sản chung của anh T, chị L, nên cần sửa phần chia tài sản chung của Bản án sơ thẩm.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của chị L, sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu chia tài sản của anh T. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí chia tài sản. Mặc dù các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, nhưng việc chấp nhận kháng cáo của chị L làm thay đổi nghĩa vụ về tài sản, nên cần sửa phần án phí chia tài sản theo quy định pháp luật.

[6] Các phần Quyết định khác của Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 163/2022/HNGĐ-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị L không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Hoàng Ái L, sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số số 163/2022/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 244, 294 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 7 Điều 27; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982 và chị Nguyễn Thị Hoàng Ái L, sinh năm 1986 là vợ chồng.

2. Về con chung: Không có, không giải quyết.

3. Về chia tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T về việc chia tài sản chung là 09 chỉ vàng 24k.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của anh Nguyễn Văn T yêu cầu chia số tiền 40.000.000đ.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, án phí chia tài sản và án phí dân sự phúc thẩm:

5.1 Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Anh Nguyễn Văn T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo Biên lai thu số 0009316 ngày 27/7/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

5.2. Án phí dân sự chia tài sản: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Hoàng Ái L không phải chịu. Anh Nguyễn Văn T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.050.000 đồng (Một triệu, không trăm năm mươi ngàn đồng), theo Biên lai thu số 0009317 ngày 27/7/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

5.3. Án phí phúc thẩm dân sự: Chị Nguyễn Thị Hoàng Ái Lh không phải chịu, chị Nguyễn Thị Hoàng Ái L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo Biên lai thu số 0009416 ngày 26/9/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn